|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Dự thảo**

**Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp**

**giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

# 

# THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

# QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với các nội dung chủ yếu sau:

# I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng, góp phần thực hiện đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Đổi mới giáo dục nghề nghiệp đồng bộ với đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân, kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số ngành, nghề, lĩnh vực trọng điểm.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của người học, lấy người học làm trung tâm, gắn kết chặt chẽ với thị trường lao động, việc làm thỏa đáng, an sinh xã hội và phát triển bền vững, bao trùm; từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

4. Giáo dục nghề nghiệp là dịch vụ công cơ bản, thiết yếu. Đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực. Ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp được ưu tiên trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục đào tạo.

5. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị quan trọng, góp phần trí thức hóa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và người lao động; là trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, người sử dụng lao động và người dân.

## II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại và hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn

## 2. Chỉ tiêu chủ yếu

##### 2.1. Đến năm 2025

- Đào tạo nghề nghiệp ban đầu cho 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, trong đó 20% các ngành, nghề trọng điểm, chất lượng cao.

- Đào tạo nâng cao, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho khoảng 30% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ người học là nữ đạt trên 30%.

- Có 70 trường chất lượng cao, trong đó 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, 03 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20. Trong đó 5-10 ngành, nghề, lĩnh vực có năng lực cạnh tranh vượt trội trong ASEAN-4.

- Tỷ lệ tốt nghiệp, có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo đạt khoảng 80%; đối với các ngành, nghề trọng điểm, chất lượng cao đạt khoảng 90%.

##### 2.2. Đến năm 2030

- Đào tạo nghề nghiệp ban đầu cho 50% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và 55% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông; trong đó 30% các ngành, nghề trọng điểm, chất lượng cao.

- Đào tạo nâng cao, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho khoảng 45% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ người học là nữ đạt trên 40%.

- Có 90 trường chất lượng cao, trong đó 40 trường tương đương trình độ các nước ASEAN-4, 03 trường tương đương trình độ các nước phát triển trong nhóm G20. Trong đó 15-20 ngành, nghề, lĩnh vực có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực và thế giới.

- Tỷ lệ tốt nghiệp, có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo đạt khoảng 85%; đối với các ngành, nghề trọng điểm, chất lượng cao đạt khoảng 95%.

##### 3. Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề của một nước phát triển, có thu nhập cao; trở thành quốc gia phát triển hàng đầu về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới và có năng lực cạnh tranh vượt trội ở nhiều ngành, nghề, lĩnh vực.

# III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, cần thực hiện đồng bộ 9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Trong đó, trọng tâm là: “Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, nhà giáo và người dạy tại nơi làm việc” vàquan trọng là “Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới phương thức đào tạo”. Cụ thể:

**1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp**

- Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật đồng bộ, thống nhất tạo điều kiện cho giáo dục nghề nghiệp phát triển.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp.

- Ban hành chính sách hỗ trợ phổ cập nghề cho thanh niên (miễn học phí đối với các bậc trình độ giáo dục nghề nghiệp và văn hóa trung học phổ thông cho người học trung cấp đồng thời học văn hoá trung học phổ thông…); chính sách đặc thù đối với người học các ngành, nghề, lĩnh vực như văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao…; chính sách đối với người học là người dân tộc thiểu số, người nghèo, người cận nghèo, người khuyết tật và các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương khác; chính sách về bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp do tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được tham gia học nghề. Bổ sung quy định về đào tạo cho người nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chú trọng cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, tôn vinh, đãi ngộ đối với nhà giáo. Có cơ chế mở, linh hoạt để thu hút người có kỹ năng nghề cao và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp tham gia đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Ban hành chính sách ưu đãi đối với nhà giáo giảng dạy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp dân tộc nội trú, bán trú; thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; nhà giáo giảng dạy cho người khuyết tật; nhà giáo giảng dạy một số ngành, nghề thuộc lĩnh vực đặc thù như ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao…

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đối với các cơ sở đạt chuẩn kiểm định chất lượng, cơ sở được công nhận là trường chất lượng cao; thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao; chính sách đặc thù đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số…, đào tạo ngành, nghề, lĩnh vực đặc thù như văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao; cơ chế, chính sách về đào tạo chất lượng cao. Rà soát, điều chỉnh các quy định về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo hướng đơn giản hoá các điều kiện, thủ tục để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào giáo dục nghề nghiệp.

- Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng mở, tinh gọn, hiệu quả, phân tầng chất lượng, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Phát triển mô hình “nhà trường thông minh”, “nhà trường xanh”. Chú trọng phát triển trường chất lượng cao, các ngành, nghề trọng điểm, ngành nghề mới, kỹ năng tương lai tiếp thu thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đầu tư, phát triển các trung tâm đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; vận hành, bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ trung ương đến địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia.

- Thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng, đưa ra quyết định kịp thời, ban hành chính sách hiệu quả, sử dụng tối ưu nguồn lực.

- Triển khai các dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3-4 cho tất cả các thủ tục hành chính về giáo dục nghề nghiệp. Chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo. Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ trung ương tới địa phương; chuyển dần vai trò chỉ đạo, kiểm soát là chủ yếu sang giao quyền, hỗ trợ, giám sát, đánh giá và tăng thẩm quyền quản lý theo lãnh thổ gắn với trách nhiệm giải trình. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao năng lực đội ngũ thanh tra chuyên ngành và đổi mới hoạt động thanh tra chuyên ngành, kiểm tra, giám sát về giáo dục nghề nghiệp.

- Thí điểm thành lập Hội đồng giáo dục nghề nghiệp ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với vai trò là cơ quan liên ngành tư vấn chính sách, khuyến nghị và điều phối, xây dựng, giám sát các chương trình hỗ trợ đổi mới giáo dục nghề nghiệp của địa phương.

- Đầu tư phát triển Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp trở thành trung tâm quốc gia về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ đào tạo mới, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

**2. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động**

- Xây dựng và thực thi cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính và hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy người sử dụng lao động tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động theo vùng, địa phương; tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Hoàn thiện quy trình, phương pháp, công cụ để thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu về cung cầu đào tạo giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ xây dựng năng lực cho người sử dụng lao động để thu thập, cung cấp thông tin cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về nhu cầu lao động theo số lượng, trình độ, kỹ năng, ngành nghề phù hợp với chiến lược phát triển của đơn vị. Khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý, đào tạo.

- Thành lập các hội đồng kỹ năng ngành, nghề có chức năng xây dựng, cập nhật tiêu chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đặc biệt đối với những ngành, lĩnh vực trọng điểm, ngành, nghề mới, kỹ năng tương lai phục vụ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thành lập Ban tư vấn nghề cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm đại diện cơ sở giáo dục nghề nghiệp, người sử dụng lao động, các chuyên gia.

- Rà soát, điều chỉnh danh mục ngành, nghề đào tạo kèm theo mô tả nghề bảo đảm phù hợp với yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình bổ trợ để thích ứng với yêu cầu thực tiễn cụ thể tại nơi làm việc cho người mới tốt nghiệp trước khi đi làm.

- Có cơ chế huy động người sử dụng lao động, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty tham gia xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề và đánh giá, công nhận trình độ kỹ năng nghề cho người lao động tại nơi làm việc.

**3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, nhà giáo và người dạy tại nơi làm việc**

***3.1. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp***

- Ban hành khung năng lực và chuẩn hóa đối với cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương, địa phương và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở các cấp, đặc biệt là cấp địa phương đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Định kỳ, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và phẩm chất cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp các cấp. Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực cho người quản lý đào tạo tại nơi làm việc.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại nước ngoài để tiếp cận công nghệ quản lý - quản trị hiện đại.

- Phát triển nhanh đội ngũ cán bộ làm các công tác kiểm định và bảo đảm chất lượng, công tác học sinh, sinh viên, hợp tác quốc tế trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

***3.2. Phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, người dạy tại nơi làm việc***

- Hoàn thiện các chuẩn và chuẩn hóa nhà giáo theo hướng chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp, phương pháp giảng dạy hiện đại, tích hợp các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Hình thành các chuẩn, từng bước chuẩn hóa người dạy tại nơi làm việc để bảo đảm chất lượng thực tập của người học theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, trước mắt tập trung vào các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề mới, kỹ năng tương lai tiếp thu thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo tham gia học tập. Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo ở các nước phát triển để giảng dạy ngành nghề trọng điểm ASEAN, quốc tế và hình thành đội ngũ nhà giáo hạt nhân.

- Tổ chức chương trình trải nghiệm thực tế cho nhà giáo mới tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng. Thực hiện công nhận năng lực để nhà giáo không phải học lại kiến thức, kỹ năng đã tích luỹ được từ quá trình học tập hoặc trong thực tiễn nghề nghiệp.

- Sắp xếp, quy hoạch hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

- Hình thành, triển khai hiệu quả các cộng đồng, mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và người dạy tại nơi làm việc để phát triển chuyên môn nghề nghiệp thông qua chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm.

**4. Quản trị, vận hành hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn quốc tế và thúc đẩy học tập suốt đời**

- Tạo hành lang pháp lý thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp bảo đảm chất lượng và tính thống nhất hệ thống, liên thông giữa các trình độ tạo thuận lợi cho việc hội nhập, công nhận văn bằng, chứng chỉ giữa các quốc gia, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

- Xây dựng, triển khai cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan gồm cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sử dụng lao động, công đoàn, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong quản trị, vận hành Khung trình độ quốc gia đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp. Nhanh chóng hình thành đội ngũ chuyên gia về khung trình độ quốc gia, bảo đảm chất lượng, chuẩn đầu ra và các chuẩn khác trong giáo dục nghề nghiệp.

- Đổi mới cơ chế, quy trình, phương pháp phát triển các chương trình mới theo hướng mở, linh hoạt, đơn giản hóa, liên thông dựa trên chuyển đổi tín chỉ và các quy đổi tương đương, tạo cơ chế kết nối hài hòa giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, đặc biệt là tư vấn hướng nghiệp, đào tạo các bậc trình độ sơ cấp trong chương trình giáo dục phổ thông mới; thu hút học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông có năng lực học tập tốt tham gia giáo dục nghề nghiệp. Nghiên cứu bổ sung các trình độ cao hơn của giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng quốc tế.

- Xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia, Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia có tham chiếu các chuẩn khu vực và quốc tế. Phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu theo tín chỉ.

- Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia dựa trên tiếp cận quản lý rủi ro và hệ thống thông tin quản lý, dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

- Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra cam kết cùng các điều kiện bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Kiểm định, đánh giá, phân tầng chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo chất lượng cao các cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế; thúc đẩy sự tham gia đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các tổ chức kiểm định quốc tế được công nhận tại Việt Nam.

- Thúc đẩy tham chiếu Khung trình độ quốc gia và Khung kỹ năng nghề quốc gia của Việt Nam với các quốc gia khác. Tham chiếu và áp dụng các bộ chỉ số chất lượng đào tạo nghề nghiệp, đối sánh trình độ mà trước hết đối với các chương trình chất lượng cao và ngành nghề trọng điểm theo tiêu chuẩn các nước ASEAN-4 và các nền kinh tế G20.

**5. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới phương thức đào tạo**

***5.1. Đẩy nhanh chuyển đổi số để hiện đại hóa và đổi mới phương thức đào tạo***

- Chuyển biến căn bản nhận thức, nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyển đổi số quốc gia.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Số hóa hồ sơ học tập giáo dục nghề nghiệp của người dân.

- Xây dựng các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung trong giáo dục nghề nghiệp; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đầu tư phát triển các nền tảng số.

- Phát triển kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo, dùng chung toàn ngành và liên kết với quốc tế; triển khai, hỗ trợ đào tạo trực tuyến các cấp độ phù hợp với ngành nghề đào tạo.

***5.2. Hiện đại hóa cơ sở vật chất giáo dục nghề nghiệp***

- Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn quốc gia cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo và danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho các ngành, nghề theo các bậc trình độ đào tạo.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, phù hợp với định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp.

- Tăng cường đồng bộ các điều kiện bảo đảm chất lượng để nhân rộng các chương trình chuyển giao theo chuẩn quốc tế đã thí điểm thành công; lựa chọn, áp dụng chương trình đào tạo tiên tiến của khu vực và quốc tế.

- Nghiên cứu thí điểm hình thành một số trung tâm Vùng đa chức năng (đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý; thực hành, thực tập - sản xuất; đổi mới, sáng tạo; đánh giá kỹ năng nghề quốc gia; kiểm định chất lượng; thí điểm các mô hình đào tạo mới…), trong đó có một số trung tâm quốc gia về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

***5.3. Đổi mới phương thức đào tạo***

- Phát triển mạnh các phương thức học nghề tại nơi làm việc, chú trọng đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động. Nhân rộng mô hình đào tạo liên kết nhà trường và doanh nghiệp trong đó doanh nghiệp trực tiếp cùng cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng, triển khai quá trình đào tạo.

- Đổi mới, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá theo tín chỉ và cá thể hóa người học, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động. Triển khai công nhận năng lực người học, người lao động đã tích luỹ từ học tập và kinh nghiệm làm việc thực tế.

- Xây dựng chuẩn bảo đảm chất lượng và chuẩn hóa phương thức đào tạo trực tuyến và kiểm tra, đánh giá người học theo hướng hiện đại.

- Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất và hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số; đổi mới phương pháp đào tạo, đánh giá trình độ ngoại ngữ cho người học theo chuẩn quốc tế và ứng dụng thực tiễn nghề nghiệp.

- Triển khai thí điểm một số mô hình đào tạo, nhất là đào tạo chất lượng cao làm cơ sở tổng kết, đánh giá, xây dựng cơ chế, chính sách mới về giáo dục nghề nghiệp (khung thể chế thử nghiệm Sandbox).

- Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp phù hợp với các nhóm đối tượng đặc thù, nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

**6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp**

- Ưu tiên ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho giáo dục - đào tạo; được phân bổ theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kịp thời. Phấn đấu tỷ lệ chi cho giáo dục nghề nghiệp bằng 0,8% GDP trong giai đoạn 2021-2025 và bằng 1% GDP trong giai đoạn 2026-2030, bắt kịp xu hướng chung của các nước.

- Thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế nhằm hỗ trợ đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp đặc biệt huy động được các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại. Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP), mở rộng mô hình “đầu tư công, quản trị tư” trong giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hóa nguồn lực cho hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Nghiên cứu, hình thành Quỹ phát triển giáo dục nghề nghiệp với cơ chế đặc thù để đáp ứng các mục tiêu nâng cao chất lượng và phát triển bao trùm. Nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp, Quỹ Công đoàn để đào tạo, đào tạo lại, đào tạo chuyển nghề, bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động bị thất nghiệp.

- Ngân sách nhà nước đầu tư thích đáng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trung tâm quốc gia về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao và tác động lan tỏa trong toàn hệ thống; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo; đồng thời ưu tiên đầu tư cho các trường chuyên biệt và các ngành, nghề trọng điểm, nghề kỹ thuật cao, nghề “xanh”, hướng đến các ngành, nghề đào tạo mới và ngành, nghề đào tạo đặc thù.

- Đổi mới phương thức đầu tư theo phân tầng chất lượng; chuyển phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp theo đầu vào sang đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo số lượng và chất lượng kết quả đầu ra, không phân biệt loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở giá dịch vụ đào tạo của từng ngành, nghề theo các cấp độ và trình độ đào tạo.

**7. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, hướng nghiệp, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp**

- Nâng cao năng lực của các tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp. Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, người sử dụng lao động. Gắn các hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; xây dựng không gian khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp giáo dục nghề nghiệp tại các vùng.

- Mở rộng trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong khuôn khổ các diễn đàn và hội nghị khoa học khu vực và thế giới; hợp tác hiệu quả với các tổ chức nghiên cứu trong các nước ASEAN về giáo dục nghề nghiệp. Phối hợp với các nước, hướng tới hình thành mạng lưới nghiên cứu nghiên cứu khoa học công nghệ trong giáo dục nghề nghiệp giữa các nước Cộng đồng kinh tế ASEAN.

**8. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp**

- Hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp.

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông chuyên nghiệp về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, đảm bảo thông tin tin cậy phù hợp với từng nhóm đối tượng mục tiêu, truyền tải đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các thông tin, hình ảnh, vị thế và thông điệp quốc gia của giáo dục nghề nghiệp tới toàn xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền thông giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức các chương trình, sự kiện, các cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy tại nơi làm việc, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động và các tổ chức khác có nhiều thành tích và đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

- Xây dựng chương trình truyền thông quốc gia chia sẻ thành công của những người tốt nghiệp các trình độ giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm. bổ nhiệm và nâng cao năng lực các đại sứ kỹ năng nghề. Lan toả hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai mạng xã hội giáo dục nghề nghiệp có sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học; hình thành mạng xã hội giáo dục nghề nghiệp mở của Việt Nam.

**9. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp**

- Hoàn thiện hành lang pháp lý thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài tham gia phát triển giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là các trường chất lượng cao và các cơ sở đào tạo nhóm yếu thế dễ bị tổn thương; hợp tác đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ.

- Tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn, hiệp hội khu vực, quốc tế về giáo dục nghề nghiệp và các cuộc thi kỹ năng nghề. Nâng cao hiệu quả tổ chức và tham gia của Việt Nam đối với các kỳ thi kỹ năng nghề. Tổ chức đăng cai kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế ở Việt Nam. Khai thác, nhân rộng kết quả, kinh nghiệm tham dự các kỳ thi kỹ năng nghề khu vực và thế giới.

- Hình thành mạng lưới hệ thống chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các nước, các tổ chức trong nghiên cứu, quản lý và hoạt động đào tạo (trao đổi giáo viên, cán bộ quản lý, người học).

- Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và các nước, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; trao đổi các đoàn chuyên gia, tổ chức các hoạt động tham vấn chính sách giáo dục nghề nghiệp với các đối tác nước ngoài, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Đa dạng hóa các hoạt động giao lưu văn hoá, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế.

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

## 1. Kinh phí thực hiện Chiến lược bao gồm:

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương.

- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Các bộ, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chiến lược và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

## 1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược trên phạm vi cả nước; phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cụ thể hoá thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm; xây dựng các cơ chế, chính sách, các chương trình, đề án, chương trình mục tiêu về giáo dục nghề nghiệp trình Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức dự báo nhu cầu nhân lực giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện đào tạo liên thông và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở tham gia đào tạo nghề nghiệp.

- Xây dựng tiêu chí, chỉ số và các hoạt động giám sát, đánh giá việc triển khai Chiến lược.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát, đánh giá chiến lược theo lộ trình; kế hoạch thực hiện chiến lược và các chương trình, dự án, đề án kèm theo chiến lược. Định kỳ đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan triển khai, tích hợp nội dung, hoạt động hướng nghiệp trong các các chương trình giáo dục phổ thông; thực hiện phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

## 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương tổ chức dự báo nhu cầu nhân lực giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan huy động và cân đối các nguồn lực, bố trí vốn đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp, xác định các dự án kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), dự án vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho phát triển giáo dục nghề nghiệp.

## 4. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành bố trí kinh phí cho phát triển giáo dục nghề nghiệp hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn tài trợ khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược.

- Xây dựng, rà soát, hoàn thiện các quy định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tiếp cận nguồn vốn vay nước ngoài, vốn vay ODA.

## 5. Bộ Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, hoàn thiện chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ và chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp.

## 6. Các bộ, ngành liên quan

- Xây dựng đề án phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; lồng ghép các mục tiêu, quan điểm, cụ thể hóa Chiến lược vào các kế hoạch 5 năm và hàng năm của bộ, ngành.

- Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Xây dựng đề án phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương; lồng ghép các mục tiêu, quan điểm, cụ thể hóa Chiến lược vào các kế hoạch 5 năm và hàng năm của địa phương.

- Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 8. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về nội dung Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Huy động thành viên tích cực triển khai thực hiện chiến lược, tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, các chương trình, đề án, dự án phù hợp với định hướng chiến lược.

- Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **THỦ TƯỚNG** |
| - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KGVX, KTTH, TH, PL;  - Lưu: VT, KGVX (5b). | **Phạm Minh Chính** |

# Phụ lục

# DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN

# GIAI ĐOẠN 2021-2030

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của*

*Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp*

*giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045)*

## 

## I. CÁC ĐỀ ÁN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề án** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| 1 | Dự báo nhu cầu nhân lực quốc gia đến giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | 2022 |
| 2 | Nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | 2021 |
| 3 | Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2021 |
| 4 | Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2022 |
| 5 | Phát triển kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; hỗ trợ học sinh, sinh viên lập nghiệp. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 6 | Đổi mới đào tạo ngoại ngữ cho người học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 7 | Xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 8 | Phát triển nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 9 | Chuyển đổi số và dạy học trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021 |
| 10 | Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021 |
| 11 | Thí điểm thành lập một số trung tâm vùng | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021 |
| 12 | Đổi mới quản lý và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 13 | Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá các hoạt động thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2022 |
| 14 | Tăng cường hợp tác đối tác công tư trong giáo dục nghề nghiệp | Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |

**II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Chương trình, dự án** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| A | Các chương trình và dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia |  |  |  |
| 1 | Tiểu dự án “Phát triển giáo dục nghề nghiệp ở các địa phương vùng nghèo, vùng khó khăn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 2 | Tiểu dự án “Đào tạo nghề cho người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 3 | Tiểu dự án “Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| 4 | Nội dung thành phần “Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn” thuộc nội dung thành phần 09 về “Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường, HTX và doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ nông thôn” trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |
| B | Chương trình đầu tư công "Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện đảm bảo chất lượng cho các cơ sở GDNN chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20" | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các bộ, ngành, các địa phương và đơn vị có liên quan | 2021-2025 |